

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH BÀ RỊA-VĨNG TÀU**

Bản án số 37/2023/DSST

Ngày 30-6-2023

“V/v t/c hợp đồng mua bán tài sản”

Và “Hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Tiến.**

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Văn Hà.**

Bà **Bùi Thị Kimn Thủy.**

***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Trương Thị Hoàn**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Minh Khuê**- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2023/TLST- DS ngày 18 tháng 5 năm 2023. Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” và “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐXXST- DS ngày 08 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị Kim H**, sinh năm 1973. (Có mặt)

Địa chỉ: tổ 10, khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vĩng Tàu.

\* **Bị đơn:**

1-/ Bà **Dương Thị Mỹ V**, sinh năm 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà V:* Bà **Phan Nữ Khanh Linh**, ông **Phan Đình Bảo Trí**- Luật sư, Văn phòng Luật sư **Phan Nữ Khanh Linh** thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

2-/ Ông **Mai Anh V1**, sinh năm 1983; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vĩng Tàu.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông V1:* Ông **Lại Quyết Tiến**, sinh năm 1981; Địa chỉ: 577 Phạm Văn Đồng, phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông V1:* Ông **Bùi Đức Quang**, Luật sư – Công ty Luật TNHH MTV Thuận Lý thuộc đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\*Theo đơn khởi kiện ghi ngày 06/5/2023, bản khai tiếp theo, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Kim H trình bày như sau:* Bà Dương Thị Mỹ V và ông Mai Anh V1 có giao dịch mua bao đựng lúa và vay tiền của bà H trong quá trình làm ăn còn nợ của bà H như sau:

Ngày 11/11/2019 bà H cho bà V, ông V1 vay số tiền là 1.000.000.000 đồng, khi vay có lập thành giấy tờ có chữ ký của bà V. Bà H giao trực tiếp cho ông V1, bà V, tuy nhiên chỉ có bà V ký giấy tờ xác nhận vay tiền, ông V1 không ký là vì tin tưởng ông V1 và bà V là vợ chồng và mỗi làm ăn quen với nhau. Mục đích vay khi đó bà V, ông V1 nói với bà H để xây kho cho máy chứa lúa. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng, bà H đã nhận lãi được 40 tháng, mỗi tháng là 20.000.000đồng, tổng số tiền lãi mà bà H đã nhận là 800.000.000 đồng. Đến tháng 2/2023 thì bà V, ông V1 ngưng không đóng lãi cho bà H nữa.

Ngày 16/9/2022, bà V, ông V1 vay thêm số tiền 500.000.000 đồng, khi vay cũng viết giấy tay, có chữ ký bà V, không có chữ ký ông V1. Bà H giao số tiền vay trực tiếp cho ông V1, bà V, Mục đích vay khi đó bà V, ông V1 nói để đáo hạn vay ngân hàng. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng, bà H đã nhận lãi được 6 tháng, mỗi tháng là 10.000.000 đồng, tổng cộng đã nhận lãi là 60.000.000 đồng, tháng 2/2023 thì bà V, ông V1 ngưng không đóng lãi. Bà H nhận tiền lãi bằng hình thức chuyển khoản và tiền mặt, lập thành văn bản hay giấy tờ gì nhưng ông V1 đều biết. Các lần vay không thỏa thuận thời hạn vay, cũng không có tài sản đảm bảo.

Đồng thời năm 2022 đến tháng 3/2023 bà H có bán cho bà V, ông V1 bao đựng lúa gạo với tổng số tiền là 121.700.000 đồng, đến nay vẫn chưa thanh toán, việc mua bán không giấy tờ gì, khi giao hàng thì bà H cho nhân viên chở xe tới giao cho nhà máy bà H không trực tiếp đi giao, nên người nhận hàng là ai bà H không biết, chỉ biết là nhà máy đặt hàng và bà H giao cho nhà máy.

Tổng số tiền hai lần vay đến nay bà V ông V1 còn nợ là 1.500.000.000đ và tiền mua bao là 121.700.000đ yêu cầu bà V và ông V1 cùng có trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu lãi suất.

*\* Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tại đơn trình bày ý kiến ghi ngày 09/5/2023 và tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Dương Thị Mỹ V trình bày:* Bà V xác nhận vợ chồng bà V có vay tiền của bà H 2 lần và mua bao của bà H để đựng lúa gạo còn nợ như bà H trình bày. Bà V và ông V1 kết hôn năm 2008, thời điểm đó nhà máy của mẹ chồng là bà Chắc chỉ là nhà máy nhỏ, tới năm năm 2013 thì giao lại cho hai vợ chồng bà V quản lý toàn bộ, phụ trách toàn bộ việc làm ăn của nhà máy Tấn Lợi. Bà V xác định đây là việc làm ăn kinh doanh chung của hai vợ chồng, ông V1 là người đứng tên nhà máy, bà V là người quản lý. Phân công công việc nhà máy thì bà V là người phụ trách việc quản lý nhà máy, đầu vào và đầu ra của khách hàng, mua bán và thanh toán nợ nần với khách hàng. Trong 01 tháng nay khi bà V về nhà mẹ ruột sống thì ông V1 ở đây mới bắt đầu quản lý nhà máy. Việc sinh hoạt, chi tiêu ăn uống cho cả toàn bộ gia đình toàn bộ đều dựa vào doanh thu của nhà máy và ông V1 có biết. Mọi hoạt động làm ăn hằng ngày ông V1 đều thấy và biết, cuối năm 2019 đầu năm 2020 hai vợ chồng đầu tư một nhà máy mới hiện đại hơn, bỏ hẳn nhà máy cũ của bà Chắc để lại và hoạt động tới ngày hôm nay, nhà máy mới nằm ở vị trí khác với nhà máy cũ và hoạt động trên đất của bố mẹ chồng đứng tên, hoạt động kinh doanh do vợ chồng thực hiện. Bà V thừa nhận còn nợ của bà H số tiền là

1.621.700.000đ (Một tỷ sáu trăm hai mươi một triệu bảy trăm ngàn đồng) chấp nhận trả và yêu cầu ông V1 cùng có trách nhiệm với bà V trả nợ cho bà H.

*\* Tại bản khai ghi ngày 09/5/2023 của ông Mai Anh V1; Đơn thay đổi lời trình bày của người đại diện ghi ngày 22/5/2023 và biên bản hòa giải và lời trình bày của người đại diện tại phiên tòa thể hiện: Ông V1 không tham gia vào việc kinh doanh quản lý cơ sở xay lúa Tấn Lợi mà cha mẹ ông V1 bàn giao, bà V là người quản lý, điều hành. Bà V vay tiền của bà H cũng như mua bán với bà H phát sinh nợ thì bà V có trách nhiệm trả nợ cho bà H, ông V1 không biết bà H là ai, không làm ăn không vay nợ của bà H nên không có trách nhiệm trả nợ cho bà H.*

*\* Ý kiến của viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự, cũng như quan điểm về nội dung vụ án như sau:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Nợ phát sinh trong giai đoạn hôn nhân từ nhu cầu thiết yếu của gia đình là nợ chung nên buộc vợ chồng cùng có nghĩa vụ trả nợ.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### ***- Về tố tụng:***

Bà Trần Thị Kim H khởi kiện bà Dương Thị Mỹ V, ông Mai Anh V1 tranh chấp hợp đồng vay và mua bán tài sản, bà V, ông V1 có hộ khẩu thường trú tại huyện Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo quy định tại Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông V1 vắng mặt, người đại diện có mặt nên việc xét xử vắng mặt ông V1 phù hợp Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### ***- Về nội dung:***

[1] Chứng cứ do bà H cung cấp là tờ giấy tay loại giấy tập học sinh, ghi nội dung các lần giao dịch vay tiền, tiền mua bao thể hiện tổng số tiền nợ tiền vay là 1.500.000đ, tiền mua bán là 121.700.000đ. Giấy tay vay tiền có chữ ký của bà V, giấy tay mua bán không có chữ ký của bà V, ông V1. Trong quá trình thụ lý vụ kiện, công khai chứng cứ, hòa giải bà Dương Thị Mỹ V thừa nhận quá trình làm ăn, vay tiền và mua bao của bà H đựng lúa gạo, thừa nhận số nợ như bà H trình bày. Bị đơn ông Mai Anh V1 cho rằng số nợ phát sinh do giao dịch đơn phương từ bà V, không vì mục đích chung của gia đình là khoản nợ riêng, không chấp nhận nghĩa vụ trả nợ cùng với bà V. Giao dịch dân sự về hình thức pháp luật không bắt buộc phải lập thành văn bản, theo tập quán địa phương chỉ dựa vào chữ tín, chứng cứ do bà H cung cấp có chữ ký của bà V không có chữ ký của ông V1. Bà V đã thừa nhận nợ của bà H và chấp nhận trả, nghĩa vụ trả nợ tiền vay và mua bán phù hợp Điều 440 và 466 Bộ luật dân sự.

[2] Về trách nhiệm trả nợ: Do giao dịch không lập thành văn bản, không thể hiện ông V1 có tham gia giao dịch hay không, nhưng nội dung giao dịch là mua bao đựng lúa, và vay tiền mua trang thiết bị máy móc, nghề nghiệp chính của gia đình là nhà máy gia công xay lúa, nghĩa vụ phát sinh từ nhu cầu thiết yếu của gia đình, hiện tại ông V1 với bà V vẫn còn quan hệ vợ chồng nên buộc ông V1 phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với bà V.

[3] Về án phí: Bà Dương Thị Mỹ V, ông Mai Anh V1 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 60.651.000đ (Sáu mươi triệu, sáu trăm năm mươi một ngàn đồng). Bà H không phải chịu án phí.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 116, 119, 430, 440, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim H về việc yêu cầu bà Dương Thị Mỹ V, ông Mai Anh V1 trả nợ mua tài sản số tiền là 121.700.000 đồng (Một trăm hai mươi một triệu bảy trăm ngàn đồng) và nợ tiền vay số tiền là 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng)

Buộc bà Dương Thị Mỹ V, ông Mai Anh V1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Kim H số tiền nợ là 1.621.700.000 đồng (Một tỷ sáu trăm hai mươi một triệu bảy trăm ngàn đồng) gồm : Tiền vay là 1.500.000.000đ, tiền mua tài sản là 121.700.000đ.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

2 - Về án phí: Bà Dương Thị Mỹ V, ông Mai Anh V1 phải chịu **60.651.000đ (Sáu mươi triệu sáu trăm năm mươi một ngàn đồng)** tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Trần Thị Kim H không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.325.500đ (Ba mươi triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0010281 ngày 11/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

3 - Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 30/6/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật thi hành*

*án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Đ;
- Các đương sự;
- CCTHADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tiến**